TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/DS-PT
Ngày: 04-6-2018
"*V/v tranh chấp đòi lại tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng.
Ông Trần Văn Cảnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Thế Nhơn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018, tại Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp đòi lại tài sản;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng V; địa chỉ: 144 HVT, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng Đ; địa chỉ: Số nhà X đường T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2017). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Giáp Thị Huy P; địa chỉ: Số nhà X đường Lê Thánh T, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Số nhà X đường Lê Thánh T, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2016).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Quang T; địa chỉ: Số nhà X đường Lê Thánh T, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ông T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông Lê Hoàng V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2016 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Lê Hoàng V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Trọng Đ trình bày:

Giữa vợ chồng ông Lê Hoàng V và bà Giáp Thị Huy P – Chủ Doanh nghiệp tư nhân HP là chỗ quen biết lâu năm, có quan hệ làm ăn với nhau. Trong quá trình làm ăn, bà P thường xuyên vay tiền của vợ chồng ông V để chi trả trong việc mua bán mì (sắn). Các lần vay tiền, có lúc bà P trực tiếp ký nhận tiền, có lúc bà P nhờ bà Nguyễn Thị H (gọi là H P L) đến nhà ông V nhận tiền sau đó về giao lại cho bà P. Sau khi nhận tiền từ bà H, bà P ký nhận vào giấy nhận tiền rồi đưa lại cho bà H để bà H giao lại giấy nhận tiền cho vợ chồng ông V.

Cũng như các lần vay trước, ngày 16/01/2014 bà P có gọi điện cho ông V vay 3.000.000.000 đồng để nhập hàng nông sản, lãi suất thỏa thuận là 2%/ tháng và không thỏa thuận thời hạn trả nợ, việc thỏa thuận này chỉ nói bằng miệng. Ông V đồng ý và bà P gọi điện thoại yêu cầu ông V thực hiện việc giao tiền cho bà H theo như các lần nhận tiền trước. Bà H đã đến nhận tiền trực tiếp từ ông V do không có tiền mặt mà chỉ có 130.000 USD (quy đổi thành tiền Việt Nam là 2.758.600.000 đồng) nên ông V đưa trước cho bà H và nhờ bà H nói lại với bà P vài ngày sau ông V sẽ đưa tiếp 242.000.000 đồng cho đủ số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Sau khi bà P nhận tiền từ bà H thì theo yêu cầu của ông V nên bà P viết và ký giấy có ứng 3.000.000.000 đồng vào ngày 16/01/2014 đưa cho bà H để bà H đưa lại cho ông V và giữ để làm tin, dễ tất toán sau này.

Đến ngày 20/01/2014, bà P có gọi điện thoại yêu cầu ông V giao thêm cho đủ tiền 3.000.000.000, nhưng ông V không đưa thêm vì ông V nghi ngờ việc làm ăn của bà P không có hiệu quả. Kể từ ngày bà P vay tiền của ông V cho đến nay, bà P không trả gốc và lãi cho ông V. Ông V đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu bà P trả nợ nhưng bà P không nghe điện thoại, cố tình trốn tránh việc trả nợ. Do bà P vay tiền của ông V nhằm mục đích kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình nên ông Lê Hoàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P và ông Nguyễn Quang T là chồng của bà P cùng có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền vay 2.758.600.000 đồng và ông V không yêu cầu bà P, ông T trả tiền lãi.

Các lời khai có tại hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quang T trình bày:

Giữa vợ ông là bà Giáp Thị Huy P với vợ chồng ông Lê Hoàng V có quen biết nhau. Trong quá trình làm ăn, bà P có vay tiền nhiều lần của vợ chồng ông V, tuy nhiên các khoản vay đến nay đã tất toán xong.

Nay, ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ ông là bà P và ông cùng có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền vay 2.758.600.000 đồng thì ông và bà P không đồng ý vì, bà P không còn nợ ông V cũng như vợ ông V bất cứ khoản tiền nào. Ông V cung cấp chứng cứ để khởi kiện là giấy ghi *"16/01/2014 Phg ứng tiền mua mỳ 3 tỷ (ba tỷ y)",* là không có cơ sở. Ông thừa nhận chữ viết trên giấy là chữ của bà P, chữ "Phg" ở đây viết tắt có nghĩa là P. Tuy nhiên giấy này là bà P viết ứng tiền mua mỳ từ bà Nguyễn Thị H và được viết vào quyển sổ của bà H. Thực tế

số tiền 3.0000.0000.000 đồng này là bà H ứng từ Doanh nghiệp tư nhân (viết tắt DNTN) Phú L để đưa lại cho bà P theo phiếu chi và giấy đề nghị tạm ứng đề ngày 16/01/2014. Sau khi bà H ứng tiền từ DNTN Phú L thì đưa lại số tiền cho bà P và bà P viết vào quyển sổ của bà H. Do bà H còn nợ tiền ông V không trả nên khi bà H vắng nhà, ông V đã cho người đến nhà lục lấy quyển sổ của bà H bên trong có 01 trang giấy ghi nội dung *"16/01/2014 Phg ứng tiền mua mỳ 3 tỷ (ba tỷ y)"*. Như vậy, chứng cứ mà ông V cung cấp là được lấy từ quyển sổ của bà H, không liên quan đến ông V nên ông khẳng định vợ ông là bà P không có nợ tiền vay theo như yêu cầu khởi kiện của ông V.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông V yêu cầu ông liên đới có trách nhiệm trả nợ cùng vợ ông là bà Giáp Thị Huy P, ông không ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ các Điều 388, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng V về việc yêu cầu bà Giáp Thị Huy P – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Huy P và ông Nguyễn Quang T trả số tiền vay 2.758.600.000 đồng.

Buộc ông Lê Hoàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 87.172.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 43.580.000 đồng theo Biên lai số 0002627 ngày 06/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông Lê Hoàng V còn phải nộp 43.592.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 9/2/2018, nguyên đơn là ông Lê Hoàng V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Hoàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Giáp Thị Huy P, ông Nguyễn Quang T trả số tiền vay 2.758.600.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông V giao nộp cho Tòa án chứng cứ là văn bản có nội dung "*16/01/2014 Phg ứng tiền mua mỳ 3 tỷ (ba tỷ) y*", ở phía dưới có 01 chữ ký không ghi rõ họ tên. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, ngày 16/01/2014 bà P có gọi điện thoại để vay của ông V 3.000.000.000 đồng để nhập hàng nông sản, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng và không thỏa thuận thời hạn trả nợ, các thỏa thuận này bằng miệng. Ông V đồng ý và giao tiền cho bà Nguyễn Thị H, bà H đã nhận trước 2.758.600.000 đồng (130.000 USD), số tiền còn lại sẽ đưa tiếp sau vài ngày. Khi bà P nhận tiền từ bà H đã viết và ký vào sổ của bà H, bà H đã xé trang giấy đã viết của bà P đưa ông V.

Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông T không đồng ý

với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng vợ của ông là bà P không còn khoản nợ nào chưa thanh toán cho ông V. Chứng cứ do ông V cung cấp là văn bản có nội dung "*16/01/2014 Phg ứng tiền mua mỳ 3 tỷ (ba tỷ) y*", ở phía dưới có 01 chữ ký không ghi rõ họ tên là giấy tờ chứng minh khoản nợ mà bà P ứng tiền của bà Nguyễn Thị H và đã thanh toán cho bà H chứ không phải là bà P ứng tiền của ông V. Lời khai trên của ông T là có cơ sở, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị H – là người mà ông V cho rằng đã nhận tiền từ ông để giao cho bà P và xé văn bản có nội dung xác nhận ứng tiền từ sổ của mình để giao cho ông V, không thừa nhận sự việc như ông V đã trình bày. Tại Bản cam kết và xác nhận đề ngày 21-4-2017 (bút lục số 163-164), bà H trình bày:*"Từ trước đến nay, tôi chưa bao giờ nhận của ông Lê Hoàng V bất kỳ khoản tiền nào để giao cho bà Giáp Thị Huy P, tôi cũng chưa bao giờ đại diện cho bà P nhận của ông Lê Hoàng V bất kỳ khoản tiền nào (bao gồm cả khoản tiền 130.000USD) như nội dung trình bày của ông Lê Hoàng V tại các đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, và bản tự khai tại Tòa án"* và *"Tôi chưa bao giờ thay mặt bạn hàng đi nhận tiền vay cho bất cứ ai, kể cả bà P chủ DNTN Huy P. Nếu trường hợp này có xảy ra thì trong giấy nhận tiền vay tôi cũng phải ghi rõ tôi nhận tiền vay thay cho ai chứ".*

"Tài liệu mang bút lục số 08 và 109 có nội dung "16/01/2014 Phng ứng tiền mua mỳ 3 tỷ (ba tỷ y)" có chữ ký của bà P là được lấy ra từ quyển sổ hàng mua bán của tôi năm 2014 và thể hiện giao dịch mua bán hàng hóa với các bạn hàng, đây là sổ của tôi nên trên nội dung tờ giấy mới không có nội dung thể hiện bà P ứng của ai...".

Tại bản tự khai ngày 01-11-2017 (bút lục số 190), bà H khai: *"Giấy ứng tiền ghi nội dung"16/01/2014 Phg ứng tiền mua mỳ 3 tỷ (ba tỷ y)", có chữ ký của bà P thực tế đây là số tiền bà P ghi ứng tiền của tôi, chứng cứ này được lấy từ quyển sổ theo dõi lượng hàng hóa tiền hàng ngày, đằng sau nội dung ứng tiền của bà P tại bút lục 107 có nội dung tôi viết để nhận hàng của bà P, cụ thể là các số xe vận chuyển, số lượng tấn mì..."* và *"Ngày 16/1/2014, tôi có ứng tiền 3 tỷ của DNTN Phú L. Sau đó trong ngày tôi giao lại số tiền này (3 tỷ) cho bà P ứng".*

Và các lời khai trên của bà H là phù hợp với nội dung tại biên bản xác minh ngày 31-10-2017 và các tài liệu do ông Lê Viết C cung cấp như bản sao có xác nhận của doanh nghiệp 01 phiếu chi và 01 giấy đề nghị tạm ứng trong ngày 16/01/2014, bà H có ứng của doanh nghiệp tư nhân PL số tiền 3.000.000.000 đồng.

[2] Tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp các tài liệu thể hiện giữa vợ chồng nguyên đơn và bà P có nhiều lần vay mượn tiền. Tuy nhiên các lần vay mượn này, bà P đều ghi rõ vay mượn tiền, nhận tiền của ai và các khoản vay này đều được hai bên thừa nhận là đã tất toán xong. Trong khi, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là văn bản có nội dung: "*16/01/2014 Phg ứng tiền mua mỳ 3 tỷ (ba tỷ y)",* ở phía dưới có 01 chữ ký không ghi rõ họ tên. Mặc dù, phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận chữ viết, chữ ký của văn bản này là của bà P, tuy nhiên, không ghi rõ là bà P ứng tiền của ai. Và phía bị đơn cũng không thừa nhận có sự việc ứng tiền của nguyên đơn.

[3] Từ những tình tiết trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, nguyên đơn khởi kiện nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh, nên Hội đồng xét xử không cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Lê Hoàng V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ các Điều 388, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng V về việc yêu cầu bà Giáp Thị Huy P và ông Nguyễn Quang T trả số tiền vay 2.758.600.000 đồng.

Buộc ông Lê Hoàng V phải chịu 87.172.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 43.580.000 đồng theo Biên lai số 0002627 ngày 06/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông Lê Hoàng V còn phải nộp 43.592.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Lê Hoàng V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003231 ngày 12/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông Lê Hoàng V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND Tp. Pleiku;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương